

Bản án số: 165/2020/DS-PT

Ngày: 12/11/2020

Về việc tranh chấp

hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Lê Quang Tấn

2- Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2020/QĐ-PT ngày 16/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh V, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số ngày 22/10/2020 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị Kim P , sinh năm 1969 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn Đ , sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, các bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Bà Phan Thị Kim P , ông Nguyễn Văn C có vay của ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng số TD4092/HĐTD ngày 24/02/2011 số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp và mua máy cày. Ngày giải ngân là ngày 25/02/2011, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn 24/02/2013, lãi suất trong hạn 1,8%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại ngân hàng K cộng thêm 0.64%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, hình thức thanh toán lãi vay trả 06 tháng một lần, vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Để đảm bảo khoản nợ vay bà P , ông C đã ký kết hợp đồng thế chấp TD 4092/HĐTD ngày 24/02/2011 là quyền sử dụng đất diện tích 30.490m² đất lúa + LNK thửa đất 443, 444, 445, 450, 525, 528, 339 tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện K) cấp ngày 12/08/1995. Hợp đồng thế chấp nêu trên được Ủy ban nhân dân thị trấn K chứng thực ngày 24/02/2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/02/2011 tại văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Đến ngày 21/02/2013 Ngân hàng ký phụ lục hợp đồng với bà P điều chỉnh trả vốn vay cuối kỳ đến ngày 24/02/2014 và điều chỉnh gia hạn trả nợ gốc và trả lãi đến ngày 24/02/2014.

Quá trình thanh toán nợ: Ông C , bà P chỉ thanh toán được cho ngân hàng một phần lãi tính từ ngày vay đến ngày 12/11/2011 là 19.989.413đ (ngày bà P đóng lãi là 03/5/2012). Từ đó đến nay bà P , ông C chưa thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã tiến

hành làm việc với bà P , ông C nhiều lần về việc thanh toán số nợ còn lại nhưng bà P , ông C vẫn không trả. Phần đất thế chấp hiện nay vẫn đang trồng lúa và hiện trạng không có gì thay đổi, một phần bà P đã cầm cố cho ông Phan Văn Đ . Nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà P , ông C phải trả lại cho ngân hàng TMCP K số tiền 460.432.933đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*) trong đó: Nợ gốc tính đến ngày 20/7/2020 là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 49.085.111đ, lãi quá hạn 196.586.833đ, số tiền phạt chậm trả lãi 114.760.990đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với số tiền phạt chậm trả lãi là 114.760.990đ, số tiền còn lại yêu cầu bà P , ông C phải trả là 345.671.943đ. Trường hợp ông C , bà P không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự bán đấu giá các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C cùng trình bày: Ông bà thừa nhận vào ngày 24/02/2011 có vay của ngân hàng TMCP K số tiền gốc 100.000.000đ, nội dung thỏa thuận của hợp đồng như ngân hàng trình bày. Đến ngày 03/5/2012 ông bà đã đóng lãi với số tiền 19.989.413 đồng (đóng lãi từ 25/02/2011 đến 12/11/2011). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà chưa trả tiền lãi và tiền gốc.

Tuy nhiên ngày 09/10/2014 ông Mạc Đình L – Phó giám đốc ngân hàng TMCP K Chi Nhánh R và ông Đỗ Phước H giám đốc Phòng giao dịch số 4 có biên bản làm việc xác định số nợ của ông bà đến ngày 30/9/2014 gồm gốc và lãi là 198.000.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng*), ngân hàng đồng ý xét miễn giảm khoảng 48.000.000 đồng tiền lãi và xác định số tiền ông bà còn nợ gốc và lãi ngân hàng là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Sau đó, ngày 14/10/2014 bà P có làm đơn và mang theo 110.000.000 đồng để xin được trả trước một phần gốc và lãi cho ngân hàng, còn 40.000.000 đồng sẽ trả sau, tuy nhiên cán bộ ngân hàng từ chối nhận. Ngày 06/03/2015 bà P mang theo 120.000.000 đồng đến ngân hàng xin được nộp trả nhưng ngân hàng vẫn không nhận. Ngày 11/03/2015 bà P được ngân hàng làm việc cho biết số tiền nợ lên đến 217.119.000 đồng, ông bà rất lo lắng, ngân hàng hướng dẫn ông bà tìm người

mua bán đất trả nợ. Bà P liên hệ tìm người mua nhưng không có người mua nên có đến ngân hàng yêu cầu phát mãi đất. Ngày 01/01/2016 bà P có gửi đơn yêu cầu ngân hàng khởi kiện nhưng mãi không thấy ngân hàng phản hồi.

Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông bà số tiền 375.671.943đ thì ông bà không đồng ý, ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 150.000.000đ như trước đây và yêu cầu trừ số tiền đã đóng lãi gần 20.000.000đ. Nay ông bà chỉ đồng ý trả cả gốc và lãi là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) trong đó gốc 100.000.000đ, lãi 30.000.000đ và xin trả trong ba vụ lúa, còn các khoản lãi còn lại ông bà xin ngân hàng không tính vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày: Năm 2011 ông có nhận cầm cố đất của bà P 10 công tằm lớn với giá 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), thời hạn 01 năm nhưng cho tới nay bà P vẫn chưa chuộc lại đất. Nay ngân hàng TMCP K khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà P thì ông yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 08/3/2012 giữa bà P và ông yêu cầu bà P, ông C hoàn trả lại số tiền cố đất là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), ông trả đất lại cho bà P, ông C.

*** Tại bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc bà P, ông C phải trả cho ngân hàng TMCP K số tiền 345.671.943đ (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng*), trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 49.085.111đ, lãi quá hạn 196.586.833đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ 21/7/2020 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Trường hợp bà P, ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện K phát mãi tài sản đã thế chấp (theo hợp đồng thế chấp TD 4092/HĐTD ngày 24/02/2011) để thu hồi nợ theo quy định.

Sau khi bà P, ông C thanh toán xong số nợ trên thì ngân hàng TMCP K phải trả lại cho bà P, ông C giấy CNQSDĐ số D0558096 do UBND huyện H (nay là huyện K) cấp cho bà Phan Thị Kim P ngày 12/8/1995 gồm các thửa 339,443,444,445,450,525,528 tờ bản đồ số 5.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 114.760.990đ do nguyên đơn tự nguyện rút đơn yêu cầu.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn Đ , hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 08/3/2012 giữa bà Phan Thị Kim P và ông Phan Văn Đ .

Buộc bà P , ông C phải trả cho ông Phan Văn Đ số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Phan Văn Đ phải trả lại phần đất đang canh tác cho bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C thửa 525 tờ bản đồ số 5 diện tích theo giấy CNQSDĐ là 8425m² (theo đo đạc thực tế 8950,5m²) và 528 tờ bản đồ số 5 diện tích theo giấy CNQSDĐ là 4677m² (theo đo đạc thực tế 4621,5m²) theo giấy CNQSDĐ số D0558096 do UBND huyện H (nay là huyện K) cấp cho bà Phan Thị Kim P ngày 12/8/1995 hiện nay do tách đổi ấp cho nên đất tọa lạc tại ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 30/7/2020 bà P , ông C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi là 30.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P , ông C giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi là 30.000.000đồng, tổng cộng là 130.000.000đồng.

Còn người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần K không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông C , bà P , yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Đ yêu cầu bà P , ông C trả số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), ông trả đất lại cho bà P , ông C .

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C , bà P , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất xác định vợ chồng bà P, ông C có vay của ngân hàng TMCP K theo hợp đồng tín dụng số TD4092/HĐTD ngày 24/02/2011 số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp và mua máy cày. Ngày giải ngân là ngày 25/02/2011, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn 24/02/2013, lãi suất trong hạn 1,8%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại ngân hàng K cộng thêm 0.64%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, hình thức thanh toán lãi vay trả 06 tháng một lần, vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Để đảm bảo khoản nợ vay bà P, ông C đã ký kết hợp đồng thế chấp TD 4092/HĐTD ngày 24/02/2011 là quyền sử dụng đất diện tích 30.490m² đất lúa + LNK thửa đất 443, 444, 445, 450, 525, 528, 339 tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là huyện Kiên Lương) cấp ngày 12/08/1995 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Đến ngày 21/02/2013 Ngân hàng ký phụ lục hợp đồng với bà P điều chỉnh trả vốn vay cuối kỳ đến ngày 24/02/2014 và điều chỉnh gia hạn trả nợ gốc và trả lãi đến ngày 24/02/2014.

Từ khi vay, ông C, bà P chỉ thanh toán được cho ngân hàng một phần lãi tính từ ngày vay đến ngày 12/11/2011 là 19.989.413đ (ngày bà P đóng lãi là ngày 03/5/2012).

[2] Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà P, ông C phải trả lại cho ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc tính đến ngày 20/7/2020 là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 49.085.111đ, lãi quá hạn 196.586.833đ, tổng cộng là 345.671.943đ. Còn vợ chồng bà P, ông C chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi là 30.000.000đồng, tổng cộng là 130.000.000đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của vợ chồng bà P, ông C chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi là 30.000.000đồng, tổng cộng là 130.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà P, ông C thừa nhận nợ gốc ngân hàng TMCP K từ thời điểm vay cho đến nay, quá trình

vay ông C , bà P chỉ thanh toán được cho ngân hàng một phần lãi tính từ ngày vay đến ngày 12/11/2011 là 19.989.413đ (ngày bà P đóng lãi là ngày 03/5/2012). Việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà P , ông C phải thanh toán tiền lãi trong hạn và quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật. Trong thời gian dài, ngân hàng TMCP K đã tạo điều kiện, đã tiến hành làm việc với bà P , ông C nhiều lần qua các biên bản làm việc năm 2014, 2015, 2016 về việc thanh toán số nợ nhưng bà P , ông C vẫn không trả (bút lục 24, 30, 31, 33). Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà P , ông C phải trả cho ngân hàng TMCP K tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/7/2020 với số tiền 345.671.943đ là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông C , bà P .

[4] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C , bà P , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông C , bà P phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 299, 317, 320, 323, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C , bà P , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện K.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 345.671.943đ (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng*), trong đó 100.000.000

đồng tiền gốc, lãi trong hạn 49.085.111đ, lãi quá hạn 196.586.833đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ 21/7/2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện K phát mãi tài sản đã thế chấp (theo hợp đồng thế chấp TD 4092/HĐTD ngày 24/02/2011) để thu hồi nợ theo quy định.

Sau khi bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C thanh toán xong số nợ trên thì ngân hàng TMCP K phải trả lại cho bà P ông C giấy CNQSDĐ số D0558096 do UBND huyện H (nay là huyện K) cấp cho bà Phan Thị Kim P ngày 12/8/1995 gồm các thửa 339,443,444,445,450,525,528 tờ bản đồ số 5.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 114.760.990đ do nguyên đơn tự nguyện rút đơn yêu cầu.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn Đ : Hủy hợp đồng cầm cố đất ngày 08/3/2012 giữa bà Phan Thị Kim P và ông Phan Văn Đ .

Buộc bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C phải trả cho ông Phan Văn Đ số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Phan Văn Đ phải trả lại phần đất đang canh tác cho bà Phan Thị Kim P và ông Nguyễn Văn C thửa 525 tờ bản đồ số 5 diện tích theo giấy CNQSDĐ là 8425m² (theo đo đạc thực tế 8950,5m², trong đó cạnh 1-2 bằng 39m; cạnh 2-3 bằng 229,5m; cạnh 3-4 bằng 39m; cạnh 4-1 bằng 229,5m) và thửa 528 tờ bản đồ số 5 diện tích theo giấy CNQSDĐ là 4677m² (theo đo đạc thực tế 4621,5m², trong đó cạnh 5-6 bằng 39m; cạnh 6-7 bằng 118,5m; cạnh 7-8 bằng 39m; cạnh 8-5 bằng 118,5m) theo giấy CNQSDĐ số D0558096 do UBND huyện H (nay là huyện K) cấp cho bà Phan Thị Kim P ngày 12/8/1995 hiện nay do tách đổi ấp cho nên đất tọa lạc tại ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí: bà P , ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.283.597đ (đối với phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận).

Bà P , ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000đ (đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ được chấp nhận).

Hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.947.000đ theo biên lai thu tiền số 0007790 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ theo biên lai thu tiền số 0004543 ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên L tỉnh Kiên Giang.

Ông C , bà P phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo lai thu số 0000233, 0000234 ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhân:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K;
- THA dân sự huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên